TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2023
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974; Nơi cư trú: Ấp LH, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh C, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp LH, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2022, biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Lê Minh C cưới nhau năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình nhà chồng. Cuộc sống lúc đầu cũng hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C đi làm ăn xa lâu lâu mới về một lần nên vợ chồng xích mích với nhau về tình cảm, không còn hợp nhau. Ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh C đã không còn sống chung từ 04 năm nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh C vì tình cảm không còn. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997 và Lê Hải Đ, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2007, hiện cháu Thuỳ D đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, còn cháu Hải Đ đang sống cùng chị, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Hải Đ và không yêu cầu anh Lê Minh C cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân, thu nhập hàng tháng trừ đi tiền sinh hoạt cá nhân còn dư lại 1.000.000đồng/tháng, đủ để nuôi con. Còn anh C cũng làm công nhân, không rõ thu nhập bao nhiêu, từ lúc không còn sống chung với anh C chỉ có một mình chị nuôi con, anh C không có gửi tiền cho chị. Việc chăm sóc con hàng ngày cũng do một mình chị làm. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh C chung sống với nhau không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Minh C, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 15 tháng 02 năm 2023 của cháu Lê Hải Đ trình bày: Cha mẹ ly hôn nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Lê Minh C; về con chung: Giao con chung Lê Hải Đ, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2007 cho chị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Minh C không

phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, nên Viện kiểm sát không đề cập đến; về tài sản chung: Chị Ngọc T trình bày vợ chồng tự thoả thuận, còn nợ chung thì không có, còn anh Minh C không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Lê Minh C tuy sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1996 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

[3] Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng."*

[4] Do chị Trần Thị Ngọc T và anh Lê Minh C không có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Ngọc T và anh Minh C là vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;..."*

[5] Về việc nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Hải Đ, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2007, chị không yêu cầu anh Lê Minh C cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị Ngọc T

và anh Minh C không còn sống chung và hiện nay thì cháu Hải Đ do chị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Hải Đ cũng có nguyện vọng ở với mẹ và để ổn định việc sinh hoạt, học tập của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hải Đ, anh Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ngọc T chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Còn cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, chị Ngọc T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Ngọc T trình bày vợ chồng tự thoả thuận, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Lê Minh C không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc T trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Lê Minh C không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Lê Minh C.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Trần Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Hải Đ, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2007.

2.2. Anh Lê Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004168 ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng